

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CẢI CÁCH NÂNG CAO HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

TS. Nguyễn Đình Cung

Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Chủ trương phát triển kinh tế đa thành phần là một trong các trụ cột của cải cách kinh tế ở nước ta trong hơn 20 năm qua. Cũng như hơn 20 năm qua, cải cách, sắp xếp và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh sẽ vẫn là một nhiệm vụ chủ yếu trong chuyển đổi và tái cơ cấu kinh tế nước ta trong thập kỷ tiếp theo. Có thể nói, thành công của đổi mới kinh tế nói chung và tái cơ cấu kinh tế nói riêng sẽ phụ thuộc đáng kể vào tái cơ cấu và đổi mới khu vực DNNN. Vì vậy, bài viết này xin đề cập một số vấn đề và kiến nghị một số giải pháp tiếp tục đổi mới để nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các DNNN; và các giải pháp này cần thực hiện ít nhất trong 5 năm 2011-2015.

Từ trước tới nay, Đảng ta luôn khẳng định khu vực kinh tế nhà nước, trong đó hạt nhân là DNNN, đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế nhiều thành phần. Nội hàm của khái niệm “vai trò chủ đạo” cũng phát triển, từng bước sáng rõ hơn qua thời gian. Và Văn kiện Đại hội IX, phần nói về Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001 - 2010 cũng chỉ ghi: “*Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước để thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế... DNNN giữ vững những vị trí then chốt trong nền kinh tế; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế và xã hội và chấp hành pháp luật*”. Rõ ràng, đó cũng là những mục tiêu mà DNNN phải nỗ lực phấn đấu và phải đạt được để góp phần thể hiện vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

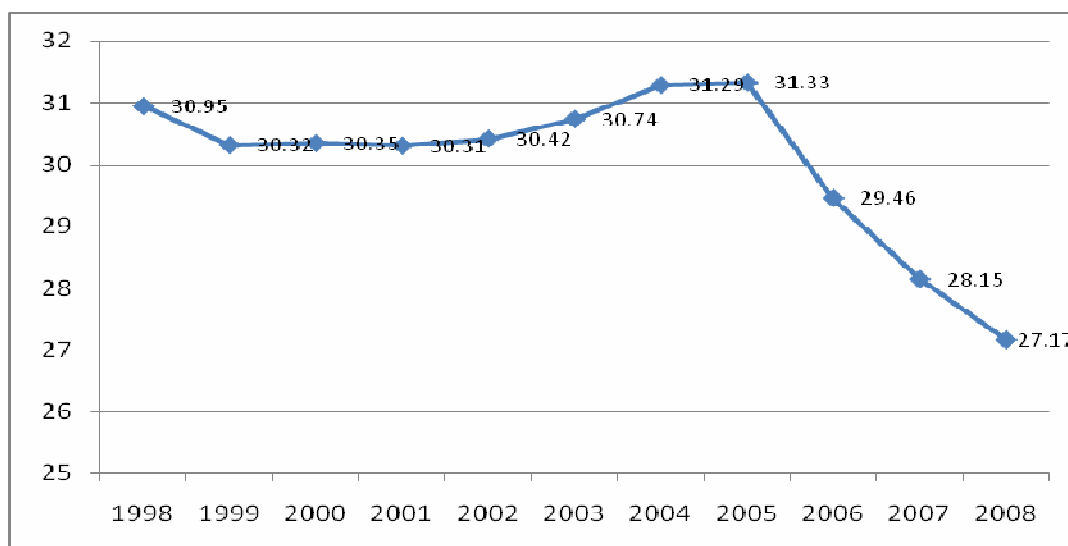
Trong hơn 20 năm qua, nhiều thành tích của phát triển, đổi mới và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đã được ghi nhận. Số lượng doanh nghiệp giảm từ khoảng 12 ngàn xuống còn khoảng 1500; quy mô doanh nghiệp cả về vốn kinh doanh, doanh thu, lao động..v.v.. đã tăng lên gấp bội. Về cơ cấu và hình thức tổ chức doanh nghiệp cũng đã có nhiều thay đổi, phát triển từ doanh nghiệp, tổng công ty và tập đoàn kinh tế. Từ 1/7/2010 hình thức tổ chức của các DNNN đã chuyển đổi

phù hợp với thông lệ quốc tế (công ty trách nhiệm hữu hạn, hoặc công ty cổ phần) và về pháp lý, DNNN hoạt động kinh doanh theo cùng một “luật chơi” bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Một số ngành trong đó DNNN giữ vai trò chi phối (như dịch vụ viễn thông, vận tải hàng không,.v.v... đã theo kịp với trình độ chung của khu vực và thế giới. Tuy vậy, nhìn chung, khu vực kinh tế nhà nước nói chung và DNNN nói riêng vẫn có nhiều khiếm khuyết; chưa phát huy được vai trò chủ đạo như mong đợi, chưa đóng góp vào sự nghiệp chấn hưng và phát triển quốc gia với mức tương xứng với vị trí và nguồn lực hiện được giao và nắm giữ.

Hiện nay, khu vực kinh tế nhà nước chiếm khoảng hơn 1/3 tổng đầu tư xã hội. Tuyệt đại bộ phận tài nguyên, khoáng sản đang khai thác được giao cho các DNNN nắm giữ, quản lý và khai thác; phần lớn tín dụng đầu tư đang được phân bổ cho các DNNN. Việc vay nợ nước ngoài của DNNN nhìn chung đang được nhà nước bảo lãnh. Nhưng nhìn chung, tốc độ tăng trưởng GDP và tăng trưởng sản lượng công nghiệp của khu vực nhà nước nói chung và DNNN nói riêng luôn thấp hơn các thành phần kinh tế khác và thấp hơn mức bình quân chung của cả nước. Như vậy, có thể nói, khu vực kinh tế nhà nước đang kéo lùi tăng trưởng GDP và sản lượng sản xuất công nghiệp của cả nước. hay nói cách khác, đóng góp của DNNN vào tăng trưởng GDP và sản xuất công nghiệp của cả nước đang thấp hơn so với phần đóng góp của các thành phần kinh tế khác. Hiện nay, tỷ trọng của khu vực kinh tế nhà nước và của DNNN trong GDP đang giảm dần. Hiện nay, kinh tế nhà nước đang góp khoảng 35% GDP của cả nước, và tỷ lệ này của DNNN khoảng 25-27%.

Đóng góp của DNNN vào GDP của cả nước giai đoạn 1998-2008¹

¹ . Cũng có nguồn thông tin khác cho rằng đóng góp của DNNN vào GDP cả nước năm 2008 là 40%.



Nguồn: TCTK và tự tính

DNNN chỉ đóng góp trực tiếp khoảng 20% tổng thu ngân sách (trừ dầu thô); và đang có đang giảm dần. Về xuất khẩu, vì không có số liệu chính xác ước tính Kết quả là sau khi trừ dầu thô, than, các loại khoáng sản khác, DNNN chỉ tạo ra khoảng 15-20% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, với lượng vốn và dự án đầu tư lớn, tiêu tốn nhiều ngoại tệ và hàng ngoại nhập, thì có thể nói nhập khẩu của DNNN chắc chắn không nhỏ. Thực tế nói trên có nghĩa là DNNN góp phần không nhỏ vào thâm hụt cán cân thành toán vãng lai của nền kinh tế. Các khoản đầu tư lớn của DNNN và kinh tế nhà nước nói chung đang làm thâm hụt ngân sách ở quy mô lớn. Như vậy, kinh tế nhà nước nói chung và DNNN nói riêng đang góp phần mình làm nên các mất cân đối vĩ mô của nền kinh tế. Nhìn chung, các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước chưa thực sự đi đầu trong đổi mới và phát triển công nghệ; chưa thực hiện được sứ mệnh của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Có doanh nghiệp như Tập đoàn điện lực Việt Nam liên tục chưa làm tròn sứ mệnh của mình trong việc bảo đảm cung cấp đủ điện cho hoạt động kinh tế và tiêu dùng của người dân; người dân và doanh nghiệp vẫn phàn nàn không ít về tình trạng bị cắt điện, mất điện, gây khó khăn và tổn tại đến lợi ích của họ. Có doanh nghiệp như Tập đoàn Vinashin đã kinh doanh thua lỗ, thực tế đã bị phá sản, nếu không được chính phủ “giải cứu” gây lãng phí, thất thoát và thâm hụt ngân sách, tạo thêm khoảng 4 tỷ gánh nặng nợ quốc gia; gây hại và kéo lùi lại sự phát triển của ngành đóng tàu Việt Nam.v.v.. Hàng triệu m2 đất thuộc quyền quản lý của DNNN đã không được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, phục vụ lợi ích quốc gia và phát triển kinh tế đất nước. Có thể nói, sự yếu kém trong kinh doanh của DNNN không chỉ gây thêm thâm hụt ngân sách, thất thoát và lãng phí các

nguồn lực quốc gia, gây thêm gánh nặng nợ nần, mà còn gây mất niềm tin của dân chúng vào sự lãnh đạo của Đảng nói chung và đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển DNNN nói riêng.

Có thể nói, cải cách DNNN cho đến nay ở nước ta là chưa thành công, hoặc ít thành công nhất so với các nội dung cải cách khác. Điều đó đã và đang làm giảm mức độ thành công của cải cách và phát triển kinh tế nước ta. Chưa thành công đó theo tôi do các nguyên nhân sau đây:

Một là, cơ bản không phải là do sở hữu, “cha chung không ai khóc”; mà do cách thức, thể chế và công cụ thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước không phù hợp;

Hai là, tuy nền kinh tế đã chuyển sang cơ chế thị trường, nhưng DNNN chưa thực sự hoạt động theo cơ chế thị trường; các DNNN, những người quản lý DNNN và một số người có liên quan đã tận dụng được những điểm lợi về tính tự phát của thị trường, mà chưa bị chi phối, điều tiết bởi các quy luật của thị trường; và nhất là chưa bị đối mặt với nguy cơ bị trừng phạt và bị trừng phạt bởi các quy luật của thị trường; hệ thống trách nhiệm giải trình trong các DNNN là rất yếu, thậm chí chưa có.

Ba là, tuy nền kinh tế đã hội nhập, nhưng đa số các DNNN vẫn chưa thực sự hội nhập; chưa có tầm nhìn và tư duy toàn cầu, chưa đối mặt với cạnh tranh toàn cầu để tìm kiếm thị trường, huy động vốn, nguồn nhân lực, công nghệ, v.v... và nhất là về quản trị, còn tụt hậu rất xa so với các nguyên tắc và chuẩn mực quản trị tốt đã được quốc tế thừa nhận.

Với cách nhìn như trên, theo tôi, định hướng cải cách, cơ cấu lại DNNN trong 5 năm tới đây sẽ tập trung vào: (i) thực hiện đầy đủ và triệt để các nguyên tắc và cơ chế thị trường đối với doanh nghiệp nhà nước, và (ii) hoàn thiện khung quản trị DNNN (trên các phương tiện thông tin đại chúng hay nói một cách phiến diện là cơ chế giám sát) theo các nguyên tắc và chuẩn quốc tế, áp dụng thống nhất đối với các DNNN.

Các giải cụ thể đầu tiên phải làm ngay là, áp dụng triệt để nguyên tắc “ngân sách cứng” đối với DNNN, tức là xoá bỏ những hình thức còn sót lại của “hạn chế ngân sách mềm” hiện nay, bao gồm:

a) Xoá bỏ chế độ, hình thức cho vay, cấp tín dụng theo chỉ đạo, theo chỉ định (dưới mọi hình thức) của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nói cách khác, cũng như các DN khác, khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng của DNNN cũng phải dựa trên tình hình tài chính lành mạnh, dự án đầu tư tốt, và thực tiễn quản trị

tốt; chứ không phải chủ yếu do yêu cầu hay chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Trên cơ sở kết quả kiểm kê tài sản cố định của DNNN nói chung và từng DNNN nói riêng, thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí đối với các DNNN theo giá thị trường (đất đai, tài nguyên, các tài sản cố định chưa được điều chỉnh, đánh giá lại giá trị, một số loại tín dụng, v.v.v.). Việc tính đúng tính đủ có thể làm cho một số DNNN bị thua lỗ; tùy từng trường hợp cụ thể có lộ trình thích hợp, nhưng phải xác định thời hạn cuối cùng thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí kinh doanh.

c) Tuyên bố chính sách và cam kết rõ ràng, từ nay trở đi, Chính phủ sẽ không có các quyết định “khoanh nợ, giãn nợ” cho bất kỳ DN nào; không nhận việc trả nợ, xử lý nợ thay cho DN. DN phải tự vay, tự trả; vay và trả nợ là quyền của DN thực hiện theo quan hệ kinh tế-dân sự giữa chủ nợ và con nợ. Nếu sắp tới đây, không may có DN rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán, thì phải để DN và chủ nợ tự cơ cấu lại, hoặc để cho phá sản; thể hiện sự dứt khoát thực hiện hạn chế ngân sách cứng đối với DNNN.

c) Xem xét trên thực tế các hình thức, biểu hiện đặc quyền, đặc lợi còn tồn tại (nếu có) đối với DNNN, nhất là trong quyền kinh doanh, tiếp cận tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiếp cận thông tin, nhất là thông tin về các loại quy hoạch, tiếp cận các nhà hoạch định chính sách; hạn chế đến mức tối đa những đặc quyền, đặc lợi, nếu có, của các DNNN.

d) Tiếp tục mở cửa thị trường trong các ngành còn độc quyền doanh nghiệp; mở cửa thị trường điện theo phương án của Bộ Công thương.

Giải pháp thứ hai là, xác định rõ, cụ thể và nhất quán mục tiêu của DNNN nói chung là công cụ thực hiện chính sách công nghiệp hóa, chuyển đổi cơ cấu kinh tế lên thang bậc phát triển cao hơn, giá trị gia tăng lớn hơn. Các DNNN nói chung chỉ hướng đến thực hiện mục tiêu nói trên. Lý do tồn tại của DNNN với mục đích nói trên là vì khu vực kinh tế tư nhân trong nước còn quá nhỏ và quá yếu; và CN hóa không thể và không nên dựa nhiều vào FDI. Tuy nhiên, mục tiêu nói trên phải đạt được theo cơ chế thị trường, phải đạt được một cách có hiệu quả tốt nhất có thể được.

Như vậy, không giao và không sử dụng DNNN là công cụ ổn định kinh tế vĩ mô; không sử dụng DNNN điều tiết thị trường; không sử dụng DNNN để thực hiện các nhiệm vụ xã hội. Các trách nhiệm nói trên của DNNN nằm trong khung khổ pháp luật chung, giống như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Đồng thời, xác định lại vị trí của từng tập đoàn, TCty trong từng ngành cụ thể; sau đó, tùy từng trường hợp cụ thể, giao cho các tập đoàn, tcty sứ mệnh là trong 10-15 năm tới phải phát triển, trở thành một trong số các doanh nghiệp hàng đầu của khu vực Đông nam á, hoặc châu á có năng lực cạnh tranh toàn cầu trong ngành đã được xác định. Ví dụ, Petrovietnam trong 10 năm tới phải trở thành một công ty hàng đầu trong ngành dầu khí ở khu vực và tiến tới sẽ là công ty hàng đầu trên thế giới; cũng tương tự như vậy đối với các tập đoàn khác như TKV, hay thậm chí cả Vinashin. Chỉ có như thế thì không gian phát triển kinh tế của nước ta mới được mở rộng, các DN mới chuyên môn hóa, đầu tư và phát triển công nghệ. Đó cũng chính là một trong các cách chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Giải pháp thứ tư là, về mục tiêu cụ thể hàng năm, ngoài tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu, nhà nước trong vai trò là chủ sở hữu còn xác định và giao cho tập đoàn, Tổng Công ty các mục tiêu cụ thể, bao gồm: (1) doanh thu xuất khẩu, (2) mức độ và trình độ phát triển công nghệ trong một thời hạn nhất định, (3) năng lực nghiên cứu và phát triển công nghệ, (4) đổi mới công nghệ; (5) vị thế hay thị phần trên thị trường khu vực và thế giới, (6) năng lực cạnh tranh v.v...; đồng thời, lấy một công mẫu (thuộc loại hàng đầu khu vực trong ngành tương ứng) để thực hiện đánh giá các mục tiêu nói trên của DNNN, so sánh khoảng cách hiện tại của từng DNNN của ta hiện nay với Dn hình mẫu nói trên. Tinh thần là đánh giá khắt khe (ví dụ như lợi nhuận/vốn chủ sở hữu chỉ 3,5 thậm chí dưới 10%, thì không thể coi là DN kinh doanh có hiệu quả được); đánh giá để thấy khoảng cách mà từng DN phải nỗ lực hướng tới.

Giải pháp thứ năm là, đổi mới thể chế, cơ chế thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước tại các DN, nâng cao hiệu lực và hiệu quả bằng các giải pháp cụ thể sau đây:

Một là, từng bước tách biệt chức năng thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước với chức năng quản lý hành chính nhà nước của các bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tiến tới thành lập cơ quan cấp bộ chuyên trách thực hiện quyền chủ sở hữu và thực hiện quyền chủ sở hữu đó một cách chuyên nghiệp, tập trung và thống nhất (mô hình SASACs ở Trung Quốc hay các bộ chuyên trách quản lý tài sản sở hữu nhà nước ở một số quốc gia khác đều đáng được tham khảo). Giải pháp trước mắt có thể là thành lập ở các bộ chuyên ngành có nhiều DNNN một vụ, hoặc cục chuyên trách tham mưu thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước; đồng thời, củng cố năng lực chuyên môn, đổi mới chức năng và cơ chế làm việc của Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp TW trở thành cơ quan chuyên trách, có đủ thẩm quyền và năng lực phối hợp thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp do TW quản

lý. Ban đổi mới và vu/cục ở các bộ cần có cán bộ là chuyên gia trình độ cao về phân tích thị trường, phân tích, đánh giá và thẩm định dự án đầu tư, phân tích và đánh giá tài chính doanh nghiệp, về quản trị doanh nghiệp v.v...; chứ không phải là những người quen tư duy hành chính và chuyên thực hiện các nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước.

Hai là, thiết lập hệ thống thông tin giám sát và quản lý doanh nghiệp, gồm thông tin về tài chính, thông tin về hoạt động kinh doanh, thông tin về các rủi ro và biến động bất thường liên quan.

Ba là, thực hiện công khai hóa và minh bạch hóa thông tin đối các tập đoàn, Tcty nhà nước theo chuẩn mực đang áp dụng cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán việt nam. Cụ thể là, yêu cầu các tập đoàn, Tcty phải công bố công khai các thông tin sau đây:

- Sứ mệnh và các mục tiêu cụ thể hàng năm;
- Báo cáo tài chính hợp nhất nửa năm và báo cáo tài chính hàng năm có kiểm toán của tập đoàn, Cty và báo cáo tài chính của các công ty con.
- Các quyết định của cơ quan chủ sở hữu; các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hay HĐTV và các biên bản của các cuộc họp tương ứng;
- Quyết định về các dự án đầu tư và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hiện hành; về các giao dịch có quy mô lớn, khoản vay hay cho vay lớn;
- Thông tin về các thành viên HĐQT, HĐTV và các cán bộ quản lý chủ chốt của tập đoàn, Tcty và các công ty con (nhân thân, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, cách thức trả lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với công ty, bản tự kiểm điểm, đánh giá hàng năm của họ trên cương vị là người quản lý công ty, v.v.v....);
- Thông tin về thị trường, dự báo về thị trường sản phẩm có liên quan, về những rủi ro thị trường có liên quan;
- Thông tin về các bên có liên quan, giao dịch với bên có liên quan.

Thông tin phải được công bố trên trang tin của tập đoàn, Tcty, trên các phương tiện và hình thức khác, nhưng phải bảo đảm bất kỳ ai có quan tâm đều có thể tiếp cận được theo một cách bình thường và với chi phí thấp nhất có thể được. Cơ quan chủ sở hữu phải kiểm soát, giám sát việc công bố thông tin đảm bảo thông

tin được công bố đầy đủ và kịp thời. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin được công bố.

Công bố thông tin như yêu cầu trình bày trên đây sẽ có một số điểm lợi:

- Một là, buộc các tập đoàn, tổng công ty phải tập hợp, phân tích một cách có hệ thống, phải nghiêm túc với tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của các thông tin; qua đó, giúp cho công tác quản lý tốt hơn và nâng cao được trách nhiệm giải trình của từng cán bộ quản lý có liên quan;

- Hai là, góp phần hình thành hệ thống thông tin quản lý xuyên suốt từ các doanh nghiệp đến cơ quan chủ sở hữu, giúp cơ quan chủ sở hữu giám sát tốt hơn đối với hoạt động của doanh nghiệp;

- Tạo điều kiện để dân chúng, chủ nợ, khách hàng, các chuyên gia và các bên có liên quan khác theo dõi, đánh giá và giám sát được các hoạt động của tập đoàn, Tcty nói chung và từng công ty trong tập đoàn nói riêng. Đây chính là giám sát của thị trường, mỗi bên có lợi ích liên quan thực hiện giám sát theo cách riêng của họ; làm cho giám sát này luôn hiệu quả, hiệu lực, giảm áp lực và gánh nặng giám sát cho cơ quan chủ sở hữu.

Giải pháp thứ sáu là, xây dựng bộ quy tắc quản trị theo các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế để áp dụng cho các công ty có sở hữu nhà nước, các công ty có sở hữu nhà nước trên 50%. Quy tắc hay khung quản trị bao gồm các nội dung:

- Chủ sở hữu và thể chế thực hiện quyền chủ sở hữu, thể chế đánh giá và giám sát đối với cơ quan được ủy quyền thực hiện quyền chủ sở hữu;

- Vai trò của các bên có liên quan như người lao động, cộng đồng địa phương, chủ nợ, v.v...

- HĐQT hoặc HĐTV bao gồm: (i) vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ, (ii) cơ cấu thành phần, (iii) cơ chế hoạt động, (iv) cơ chế giám sát và đánh giá HĐQT. (v) chế độ tiền lương và khuyến khích lợi ích vật chất khác;

- Ban kiểm soát và cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ;

- Công khai và minh bạch hóa thông tin;

- Kiểm soát các giao dịch quan trọng, các giao dịch có nguy cơ phát sinh tư lợi.

Cách làm có thể là nghiên cứu, mô tả, phân tích so sánh khung quản trị hiện các DNNN hiện nay so với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế thừa nhận; xác định khoảng cách giữa thực trạng hiện hành ở nước ta với chuẩn mực quốc tế,

nguyên nhân, và các giải pháp cần thực hiện để thu hẹp dần, tiến tới thống nhất áp dụng khung quản trị theo chuẩn quốc tế đối với tập đoàn, Tcty nhà nước.

Chúng ta có thể chọn phương pháp áp dụng từng bước theo các nội dung và nguyên tắc có liên quan, từ dễ đến khó. Những nguyên tắc gì có thể áp dụng được, thì áp dụng ngay; những nguyên tắc phải có thời gian chuẩn bị, thì xác định một thời hạn nhất định; nhưng hạn cuối cùng nên là 2015 phải áp dụng đầy đủ các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế thừa nhận đối với tất cả các tập đoàn, TCty, gồm các cty mẹ và các công ty con.

Giải pháp thứ bảy là, yêu cầu bắt buộc và có lộ trình cụ thể thực hiện nghiêm yết một số tập đoàn, Tcty quan trọng trên thị trường chứng khoán quốc tế như Hồng Công, Singapore hay thậm chí là thị trường chứng khoán New York.

Giải pháp thứ tám là, tiếp tục thực hiện chương trình Cổ phần hóa có lựa chọn như đã định.

Có hai việc cần phải làm ngay, càng sớm càng tốt.

Việc thứ nhất là củng cố và tăng cường năng lực chuyên môn và thẩm quyền của Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp, bổ sung thêm các chuyên gia thuộc loại hàng đầu về phân tích tài chính doanh nghiệp, phân tích thị trường, phân tích, đánh giá và thẩm định dự án đầu tư, chuyên gia về quản trị công ty, đảm bảo cơ quan này đủ năng lực, thẩm quyền tham mưu thủ tướng về thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước; xây dựng hệ chính sách tổng hợp về cải cách DNNN với vai trò là người chủ sở hữu, người đầu tư vốn. Không nên giao cho các bộ chuyên ngành, vì mỗi bộ chỉ chuyên về một số vấn đề và các bộ thường chuyên lo về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước nói chung; chứ không chuyên sâu các chức năng, nhiệm vụ, nghiệp vụ quản lý với vai trò là người đầu tư vốn;

Việc thứ hai là thực hiện công khai, minh bạch hóa thông tin về thực trạng, tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và quản trị của các tập đoàn, Tcty như trình bày trên đây.

Khi Ban đổi mới và phát triển DN được củng cố, nâng cao năng lực. Ban nay chủ trì nghiên cứu xây dựng các giải pháp cụ thể, chỉ đạo và phối hợp tổ chức thực hiện, đánh giá, theo dõi và điều chỉnh/kiến nghị điều chỉnh, khi cần thiết.